TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm

2. Ông Bùi Thế Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânthành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ G, ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1990; thường trú: Tổ B, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số A, đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Ttrình bày:

Chị Bùi Thị Tvà anh Nguyễn Thanh Nkết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01 cấp ngày 30/7/2013. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã; cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc. Vì vậy, chị Bùi Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 03/11/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu N1 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh N*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu anh Nguyễn Thanh Ncó ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Bùi Thị Tnhưng anh N không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập anh N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 20/6/2023 và 21/7/2023, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh N đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã có những mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi chị T nộp đơn ly hôn, Tòa án đã triệu tập anh N đến Tòa nhiều lần nhưng anh N không đến, chứng tỏ anh N cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Do vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Cháu N1 đang sống cùng chị T, bản thân cháu N1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, là phù hợp với mức chi phí sinh hoạt để nuôi dưỡng con chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Bùi Thị Tcó đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh Nđã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thanh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01 cấp ngày 30/7/2013 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị T thì thực tế cuộc sống vợ chồng của chị và anh N có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau

dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẽ với nhau, thường xuyên cãi vã. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh N đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nkhông đến tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn và chính anh N cũng không quan tâm và không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thanh Nco 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 03/11/2014. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét cháu Nguyễn Hoài N1 còn nhỏ cần sự gần gũi, chăm sóc trực tiếp của người mẹ và bản thân cháu N1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T yêu cầu anh Nguyễn Thanh Nphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Yêu cầu cấp dưỡng của chị T là phù hợp với mức chi phí sinh hoạt để nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Bùi Thị Tđối với anh Nguyễn Thanh N.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Tchịu án phí ly hôn; anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 và Đ a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tđược ly hôn với anh Nguyễn Thanh N(Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01 ngày 30/7/2013 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp).

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Thanh Ngiao con chung là cháu Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Bùi Thị Ttrực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Thanh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng đối với cháu Nguyễn Hoài N1, cho đến khi cháu Nguyễn Hoài N1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Tphải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Thanh N qua lại thăm nom con, không ai có quyền cản trở anh Nguyễn Thanh Nthực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Tphải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn , được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộ p theo biên lai số 0006254 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An , tỉnh Bình Dương.

Anh Bùi Thanh N2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

6. Nguyên đơn chị Bùi Thị Tvà bị đơn anh Nguyễn Thanh Nvắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa anh H thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh